

SO SÁNH MỘT SỐ KHÍA CẠNH CỦA THỂ CHẾ CÔNG CHỨNG Ở MỘT SỐ NƯỚC VÀ VIỆT NAM

NGUYỄN VĂN VÊ *

Trên thế giới có nhiều quan điểm, trường phái công chứng khác nhau tùy thuộc vào điều kiện kinh tế, truyền thống văn hoá, quan niệm và tập tục của mỗi nước. Nhưng nhìn chung tồn tại hai hệ thống công chứng rõ nét đó là hệ công chứng Latin và hệ công chứng Anglo-Saxon.

Hệ công chứng Latin gồm những nước theo hệ thống luật thành văn, phỏng theo luật La Mã mà điển hình là Cộng hòa Pháp, các nước lục địa châu Âu, Nam Phi, Kê Béch (Canada)... Sự quan tâm hàng đầu của hệ công chứng Latin là hoạt động công chứng nhằm hạn chế đến mức tối đa việc tranh chấp, kiện tụng ra tòa án. Sự can thiệp của công chứng vào các giao dịch dân sự quan trọng được thực hiện theo một quy trình chặt chẽ, nghiêm ngặt, tuân theo những nguyên tắc mà quy chế hoạt động nghề nghiệp công chứng đã quy định. Công chứng viên do nhà nước chỉ định và được ủy quyền thực hiện các hành vi công chứng trên cơ sở quy định của pháp luật. Ở đa số các nước theo hệ

công chứng Latin, việc tổ chức và hoạt động công chứng được quy định trên cơ sở pháp lí ban đầu là một đạo luật, pháp lệnh, trong đó phải đề cập tới luật ngày 25 Tháng gió (Ventose) năm XI (ngày 16 tháng 3 năm 1883) của Pháp. Điều này chứng tỏ lịch sử phát triển công chứng trên thế giới đã có từ rất sớm.

1. Khía cạnh lớn nhất, bao trùm nhất ở thể chế công chứng này là tính xác thực trong công chứng (Authentifier) hay nói một cách khác là bản chất của hoạt động công chứng. Các hợp đồng và giao dịch dân sự được xác thực là văn bản công chứng (L'actenotarié). Tính xác thực gồm 3 yếu tố hợp thành:

- Sự thỏa thuận của các bên;
- Tư cách pháp lí và năng lực của các bên;
- Ngày, tháng chắc chắn, giá trị chứng cứ, giá trị thi hành.

Đây là vấn đề cốt lõi của công chứng và là tiêu chí cơ bản để phân biệt với hệ

* Vụ công chứng
Bộ tư pháp

công chứng Anglo-Saxon. Vì vậy, bản chất của công chứng Latin là tính nội dung. Tính xác thực không chỉ mang ý nghĩa về phương diện pháp lí mà còn có ý nghĩa về thực tiễn thể hiện ở yếu tố giá trị thi hành (hợp đồng kí kết giữa các bên đã được công chứng thì khi một trong các bên vi phạm hợp đồng, bên kia có quyền sử dụng văn bản công chứng đó buộc bên vi phạm phải thực hiện nghĩa vụ dân sự như đã cam kết mà không cần đưa ra tòa án để giải quyết). Chính vì vậy, hiệu lực thi hành của một văn bản công chứng như một bản án của tòa án.

Về khía cạnh này, hệ công chứng Anglo-Saxon có bản chất công chứng hoàn toàn trái ngược, nghĩa là mang tính hình thức. Hệ công chứng này gồm những nước theo hệ thống luật án lệ mà điển hình là Anh-Mĩ. Quy trình thực hiện công chứng đơn giản, đảm bảo nhanh, rất kịp thời, không quan tâm đến nội dung của hợp đồng và giao dịch dân sự. Mục đích đặt ra là chứng nhận sự thỏa thuận của các bên như là ghi nhận một sự kiện xảy ra là có thật. Bên cạnh ưu điểm là tính nhanh nhạy, đáp ứng kịp thời giao dịch dân sự, hạn chế lớn nhất của hệ công chứng Anglo-Saxon là những tranh chấp, kiện tụng đưa ra tòa án về các hợp đồng và giao dịch dân sự đã kí kết sau khi được công chứng chiếm tỉ lệ lớn. Nguyên nhân của tình trạng này xuất phát từ bản chất của hoạt động công chứng là không quan tâm đến nội dung của hợp đồng và

giao dịch dân sự mà các bên đã kí kết. Sự "lạm phát tư pháp" là thực trạng khá rõ ở hệ công chứng này.

Ở nước ta, ngay trong Nghị định số 45/HĐBT ngày 27/2/1991 về tổ chức và hoạt động công chứng nhà nước đã xác định: "*Công chứng là việc chấp nhận tính xác thực các hợp đồng và giấy tờ theo quy định của pháp luật*". Nghị định số 31/CP ngày 18/5/1996 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động công chứng nhà nước (thay thế Nghị định số 45/HĐBT) cũng xác định lại tính xác thực đó tại Điều 1: "*Công chứng là việc chứng nhận tính xác thực của các hợp đồng và giấy tờ theo quy định của pháp luật*". Việc bổ sung thêm từ "của" để nhấn mạnh tính xác thực ở đây là tính xác thực của hợp đồng và giấy tờ. Như vậy, công chứng ở nước ta tuy mới mẻ nhưng xét về bản chất có xu hướng ảnh hưởng hệ công chứng Latin như đã phân tích ở trên. Thực tiễn trong những năm qua cho thấy việc thiết lập một văn bản công chứng chưa có một quy định thống nhất và điều quan trọng hơn là các yếu tố thể hiện tính xác thực chưa được quy định hoàn chỉnh, đặc biệt là yếu tố về giá trị chứng cứ và hiệu lực thi hành. Thậm chí, trong một số trường hợp, lời chứng trong một hợp đồng chưa thể hiện đầy đủ nội dung yêu cầu của một văn bản công chứng.

2. Khía cạnh tiếp theo trong thể chế công chứng là nội dung công chứng, nghĩa là công chứng cái gì?

Như đã đề cập ở trên, bản chất công chứng của hai hệ công chứng Latin và công chứng Anglo-Saxxon là khác nhau nhưng một trong những điểm giống nhau là hoạt động công chứng đều tập trung vào hợp đồng, những giao dịch dân sự quan trọng để giải quyết các mối quan hệ về tài sản, sở hữu và mối quan hệ thân phận con người. Người ta phân thành nhóm việc công chứng bắt buộc và không bắt buộc. Ở cộng hòa Pháp: Hợp đồng hôn nhân, tặng cho, thừa kế, thế chấp, mua bán bất động sản và một số hợp đồng khác buộc phải công chứng, nếu không tiến hành công chứng, các hợp đồng đó sẽ bị coi là vô hiệu và nếu có tranh chấp, tòa án sẽ coi là bất hợp pháp. Đặc biệt, nhóm về mua bán bất động sản, thế chấp tài sản thì hầu hết các nước đều quy định bắt buộc phải công chứng.

Việc quy định đối tượng công chứng được sắp xếp theo thứ tự như sau: Bắt buộc phải công chứng; phải tiến hành công chứng; sự cần thiết công chứng.

Ở Việt Nam, với khuôn khổ của một nghị định thì khó có thể quy định cụ thể cái gì bắt buộc công chứng và việc gì tự nguyện. Có lẽ vấn đề sẽ giải quyết được khi chúng ta ban hành một đạo luật về công chứng.

Nghị định số 31/CP thay thế Nghị định số 45/HĐBT về công chứng đã thể hiện mục tiêu của hoạt động công chứng hiện tại và lâu dài là hướng về các giao dịch dân sự quan trọng, cơ bản (hợp

đồng), chuyển dần những việc thị thực mang tính hình thức cho các cơ quan hành chính khác.

Nghị định cũng đã quy định công chứng nhà nước thực hiện các việc phù hợp với Bộ luật dân sự, công chứng một số hợp đồng mới so với Nghị định số 45/HĐBT, như hợp đồng bán đấu giá bất động sản, hợp đồng dân sự có yếu tố nước ngoài.

3. Tổ chức.

Mỗi hệ công chứng xuất phát từ đặc điểm riêng của mình để ấn định cách tổ chức hoạt động đào tạo và bổ nhiệm công chứng viên, các thủ tục về công chứng cho phù hợp.

Về bộ máy và công chứng viên: Ở hệ công chứng Latin, điển hình là Cộng hòa Pháp, việc tuyển công chứng viên chủ yếu dựa vào việc đào tạo có hệ thống về luật và qua trường đào tạo công chứng viên.

Tất cả các công chứng viên đều do Bộ trưởng Bộ tư pháp bổ nhiệm theo một quy trình chặt chẽ, hoạt động của công chứng viên được chỉ định trong khu vực nhất định. Ở một số nước châu Âu, công chứng viên là viên chức nhà nước nhưng hành nghề tự do. Ý nghĩa viên chức nhà nước thể hiện ở chỗ: Chức danh công chứng viên do nhà nước bổ nhiệm, nhà nước can thiệp vào hoạt động nghề nghiệp công chứng dưới hình thức kiểm tra, thanh tra, kỉ luật công chứng viên, tổ chức đào tạo...

Công chứng viên tổ chức văn phòng công chứng theo ý mình (có thể văn phòng chỉ có một công chứng viên hoặc văn phòng có nhiều công chứng viên), tuyển và trả lương cho người làm công, lấy khoản thu để chi phí và trang trải những hoạt động công chứng với tư cách như một doanh nghiệp. Tính chất hành nghề tự do là như vậy.

Ở hệ công chứng Anglo-Saxon, điển hình là nước Anh, công chứng viên được tuyển từ những người làm ở tòa án giáo hội hoặc làm cố vấn pháp lí cho các linh mục do giáo hoàng tuyển chọn. Công chứng viên cấp cao được tuyển chọn theo luật từ những người có chứng chỉ luật sư. Việc cấp chứng chỉ hành nghề do tòa đại pháp hoàng gia thực hiện. Công chứng viên có quyền hành nghề rộng rãi ở các địa phương.

Ở các nước thuộc hệ công chứng Latin, bộ máy quản lí công chứng là bộ máy có chức năng theo dõi đánh giá hoạt động của công chứng viên, quản lí công chứng viên, bồi dưỡng nâng cao trình độ, đạo đức, phẩm chất, giải quyết tranh chấp về thẩm quyền giữa các công chứng viên... Các hoạt động công chứng phát triển, số lượng công chứng viên đông đảo (ở Pháp có tới trên 7 nghìn công chứng viên).

Công chứng ở nước ta là công chứng nhà nước, việc tổ chức bộ máy và tuyển chọn công chứng viên cũng theo những

nguyên tắc cơ bản trong hoạt động của bộ máy nhà nước, được quy định trong Hiến pháp 1992 và các văn bản pháp luật có liên quan. Nghị định số 31/CP về công chứng được ban hành đánh dấu một bước đổi mới về tổ chức và quản lí công chứng nhà nước, phù hợp với giai đoạn hiện nay, trong đó điểm quan trọng nhất là mọi vấn đề về tổ chức và hoạt động công chứng đều được gắn với hệ thống cơ quan tư pháp bởi mục tiêu đặt ra của hoạt động công chứng là tăng cường công tác hành chính - tư pháp và quản lí xã hội bằng pháp luật.

Tiêu chuẩn để được xem xét tuyển chọn và bổ nhiệm làm công chứng viên của nước ta là tương đối chặt chẽ. Đó là:

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, công minh, trung thực, liêm khiết, khách quan;
- Tốt nghiệp đại học chuyên ngành luật;
- Có thời gian công tác pháp luật từ 5 năm trở lên;
- Đã qua lớp bồi dưỡng nghiệp vụ công chứng.

Bộ tư pháp đã thành lập Trung tâm đào tạo thẩm phán và các chức danh tư pháp khác, hi vọng rằng: Công chứng viên là một trong những chức danh tư pháp sẽ được đào tạo chuyên sâu, có thể đảm đương được trọng trách nặng nề do pháp luật quy định.